



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN Y TẾ DANAMECO



CHUNG TAY
VÌ SỨC KHỎE
CỘNG ĐỒNG

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2012

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát
2. Quá trình hình thành và phát triển
3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
5. Định hướng phát triển công ty

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
2. Tổ chức và nhân sự
3. Tình hình đầu tư;
4. Tình hình tài chính:
5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư chủ sở hữu

III. Báo cáo và đánh giá của Ban giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
2. Tình hình tài chính
3. Những cải cách về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý
4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

IV. Đánh giá HĐQT về các hoạt động Công ty

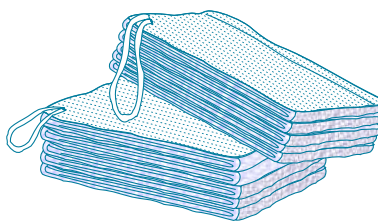
1. Đánh giá HĐQT về các mặt hoạt động của Công ty
2. Đánh giá HĐQT về hoạt động của Ban Giám đốc
3. Các kế hoạch, định hướng của HĐQT

V. Quản trị Công ty:

1. HĐQT:
2. Ban kiểm soát:
3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

VI. BCTC

1. Ý kiến kiểm toán
2. BCTC đã kiểm toán



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN Y TẾ DANAMECO

Năm báo cáo: 2012

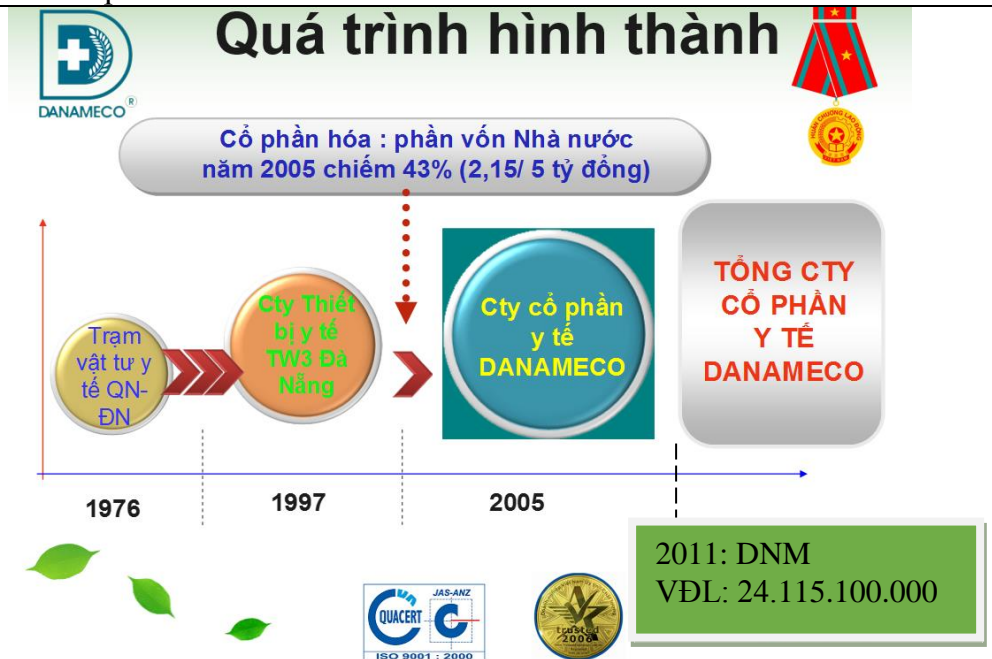
I. THÔNG TIN CHUNG:

1. Thông tin khái quát:



- Tên giao dịch: **Tổng công ty cổ phần y tế DANAMECO**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0400102101 đăng ký lần đầu ngày 07/06/2005.
- Vốn điều lệ: 30.143.620.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu:
- Địa chỉ: 105 Hùng Vương, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.
- Số điện thoại: 0511.3837621
- Số fax: 0511.38200933
- Website: www.danameco.com
- Mã cổ phiếu: DNM

2. Quá trình hình thành và phát triển



- 2012: Thay đổi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần thứ 7 ngày 07/12/2012 với mã số doanh nghiệp 0400102101 với vốn điều lệ 30.143.620.000 đồng tương đương 3.014.362 cổ phiếu.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

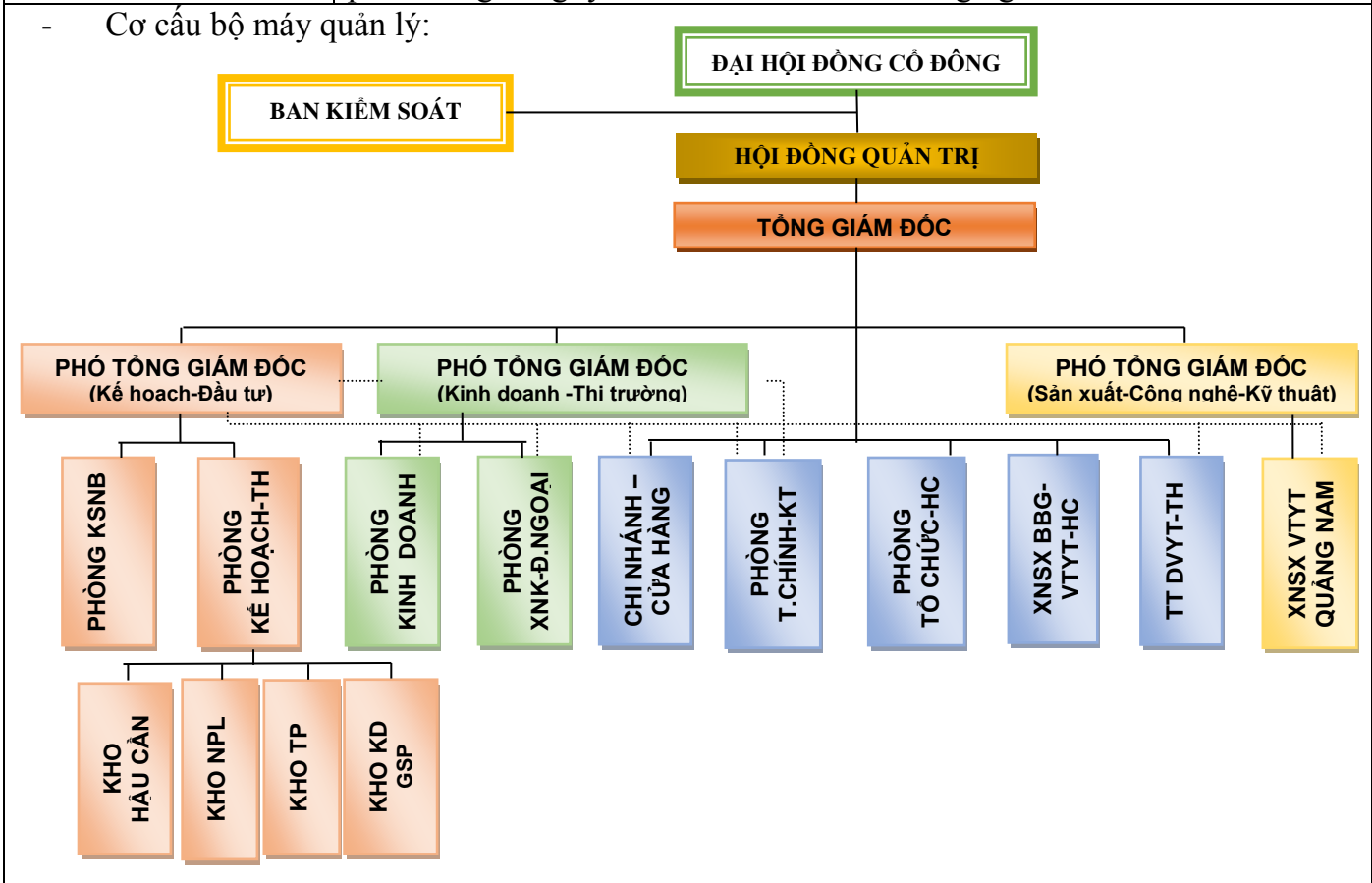
- Ngành nghề kinh doanh:
 - + Sản xuất: thuốc, thiết bị vật tư y tế Bông băng gạc y tế, các sản phẩm dùng một lần trong phẫu thuật, gói đỡ đẻ sạch, các sản phẩm cấp cứu chấn thương, thiên tai thảm họa.
 - + Kinh doanh – Xuất nhập khẩu: vật tư, nguyên liệu, dụng cụ thiết bị y tế, sinh phẩm y tế, hoá chất xét nghiệm, hóa chất chống dịch, hóa chất công nghiệp, dụng cụ thiết bị khoa học kỹ thuật, xe cứu thương và các thiết bị dụng cụ phục vụ cho công tác chăm sóc sức khoẻ nhân dân.
 - + Dịch vụ: dịch vụ tư vấn sửa chữa, bảo trì thiết bị, dụng cụ y tế; dịch vụ tư vấn thiết kế xây dựng labo xét nghiệm, phòng mổ, phòng X- quang và các công trình chuyên ngành y tế; Cung cấp dịch vụ hậu cần, công ích cho Bộ Y tế: tiếp nhận, quản lý và phân phối hàng cho các chương trình

viện trợ khu vực Miền Trung và Tây Nguyên; Kinh doanh hóa chất (trừ hóa chất độc hại mạnh); thuốc tẩy trùng, thiết bị tẩy trùng và xử lý môi trường; Dịch vụ tẩy trùng và xử lý môi trường.

- Địa bàn kinh doanh: trên toàn quốc và xuất khẩu đến một số nước như Lào, Mỹ...

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

- Mô hình quản trị:
 - + Chủ tịch HĐQT tập trung cho công việc chủ tịch HĐQT chuyên trách. Vào các cuộc họp giao ban Tổng công ty hàng tháng cũng như qua trao đổi thư điện tử hằng ngày, Chủ tịch HĐQT trực tiếp nghe báo cáo từ Ban giám đốc, các phòng ban và có những chỉ đạo kịp thời phục vụ sản xuất kinh doanh, công tác điều hành và quản lý công ty.
 - + Tổ chức quản lý theo mô hình truyền thống hay còn gọi cách tiếp cận theo hàng dọc, chuyên môn hóa dựa trên chức năng các phòng ban, bộ phận trong công ty và tối ưu hóa việc sử dụng nguồn lực.



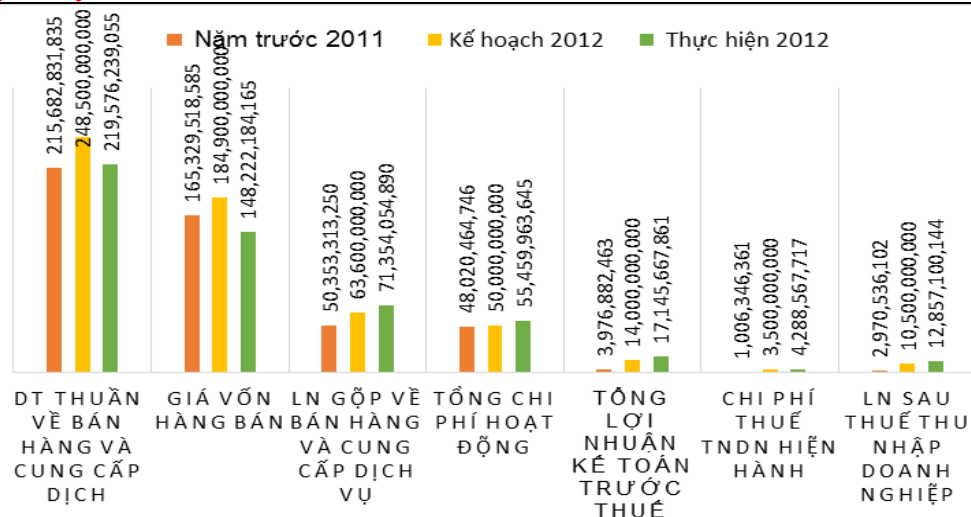
5. Định hướng phát triển công ty

- Các mục tiêu chủ yếu của công ty:
 - Xây dựng và giữ vững thương hiệu uy tín tại Việt Nam và trong khu vực Đông Nam Á.
 - Doanh nghiệp dẫn đầu của ngành Trang thiết bị y tế VN trong sản xuất - Kinh Doanh và chung tay vì sức khỏe cộng đồng.
 - Bảo toàn vốn, tối đa hóa lợi nhuận, phát triển bền vững theo chiến lược y tế Quốc Gia 2010 - 2020.
- Chiến lược phát triển trung và dài hạn
- * Về sản phẩm:
 - Sàng lọc và lựa chọn sản phẩm kinh doanh lợi thế để đầu tư tăng tốc, chiếm lĩnh ít nhất 60% thị phần trong nước và đẩy mạnh xuất khẩu.

<p>* Về công tác Marketing:</p> <p>* Về tài chính:</p> <p>* Về nguồn nhân lực:</p> <p>* Về công tác tổ chức, quản lý:</p> <p>- Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng:</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Ưu tiên đầu tư cho những sản phẩm đang có lợi thế cạnh tranh cao để đổi mới công nghệ, hợp lý hóa đi liền với mở rộng sản xuất công nghiệp, để nâng cao chất lượng sản phẩm hàng hóa y tế, hạ giá thành sản phẩm, đủ sức cạnh tranh lành mạnh, đáp ứng nhu cầu tối ưu cho công tác y tế nước nhà theo mục tiêu chiến lược y tế Quốc gia 2010 - 2020, và xuất khẩu, nhằm tối đa hóa lợi nhuận cho Công ty, bảo toàn vốn và sinh lợi cho Cổ đông. - Không ngừng nghiên cứu, sáng tạo, cải tiến trong sản xuất và phát triển sản phẩm mới. - Chú trọng đầu tư cho công tác marketing, quảng bá thương hiệu DANAMECO, nâng cao hình ảnh của công ty, tăng cường năng lực cạnh tranh trong các hoạt động kinh doanh. - Cải thiện chất lượng dịch vụ của các kênh phân phối truyền thống, đồng thời mở rộng và đa dạng hóa các kênh phân phối khác để phủ kín thị trường tiêu thụ sản phẩm của DANAMECO, đảm bảo tiếp cận trực tiếp đến nhóm các khách hàng mục tiêu nhằm tối đa hóa lợi ích hai bên. - Đưa DANAMECO trở thành một trong những nhà sản xuất băng gạc, găng tay y tế, khẩu trang y tế, cấp cứu chấn thương, phòng chống dịch bệnh uy tín hàng đầu tại Việt Nam và trở thành thương hiệu nổi tiếng, thân thiện trong khu vực. - Cấu trúc lại nguồn vốn; kiểm soát chặt chẽ tồn kho và công nợ để sử dụng vốn hiệu quả. - Đa dạng hình thức huy động vốn kết hợp với phát hành thêm cổ phiếu để phục vụ cho việc phát triển sản xuất kinh doanh theo mục tiêu. - Đảm bảo cơ cấu tài chính đạt mức an toàn, tăng cường khả năng tự chủ về tài chính của công ty hạn chế tối đa những rủi ro về tài chính trong cơn bão giá và lãi suất ngân hàng . - Không ngừng đào tạo nâng tầm kiến thức chuyên môn nghiệp vụ, hoàn thiện văn hóa doanh nghiệp, văn hóa ứng xử và đạo đức nghề nghiệp cho nguồn nhân lực hiện có. - Xây dựng và thực thi các chính sách thu hút nhân tài nhằm sẵn sàng đáp ứng nhu cầu phát triển sản xuất, kinh doanh, dịch vụ theo xu hướng hội nhập và lợi thế ngành. - Bằng những chính sách đãi ngộ, cải thiện điều kiện làm việc và nâng cao thu nhập cho người lao động, giữ vững nguồn lực lao động để ổn định và phát triển sản xuất bền vững. - Tuân thủ qui định của Pháp luật, giữ vững uy tín với khách hàng. - Từng bước hoàn thiện cơ cấu tổ chức và nhân sự, xây dựng cơ chế lương thưởng, động viên khuyến khích nhân viên làm việc tự giác và chuyên nghiệp, nâng cao hiệu quả kinh doanh cho công ty. - Danameco luôn lấy sứ mệnh “ Vì mục tiêu sức khỏe cộng đồng và không ngừng phát triển” làm kim chỉ nam cho các hoạt động của mình.
--	--

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh



2. Tổ chức và nhân sự

2.1 Nhân sự chủ chốt



PHẠM THỊ MINH TRANG
Chủ tịch HĐQT

- Ngày tháng năm sinh: 14/01/1953
- Nơi sinh : Xã Điện Hoà - Huyện Điện Bàn - Quảng Nam
- Số CMND : 200034213 ngày 08/07/2009 cấp tại: CA Đà Nẵng
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Xã Điện Hoà - Huyện Điện Bàn - Quảng Nam
- Địa chỉ thường trú: 128 Tống Phước Phổ - Q. Hải Châu – Tp Đà Nẵng
- Trình độ chuyên môn: Đại Học - Dược Sĩ. Chuyên khoa cấp I Quản lý y tế (sau Đại học)
- Quá trình công tác:



Thời Gian	Chức danh, Đơn vị công tác
1968-1982	Nhân viên y tế, ngành y tế Quảng Nam – Đà Nẵng
1983-1990	Cán bộ nghiệp vụ quản dược, Sở y tế Quảng Nam – Đà Nẵng
1991-1997	Giám đốc Cty Thiết bị vật tư y tế Tỉnh QN-ĐN
1997-2005	Giám đốc Cty thiết bị y tế TW3 thuộc Bộ y tế
2005-5/2012	Chủ tịch Hội đồng quản trị, kiêm Tổng Giám đốc Tổng Công ty cổ phần y tế DANAMECO
5/2012 - nay	Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng Công ty cổ phần y tế DANAMECO



NGUYỄN KIỆM
Phó chủ tịch HĐQT/
Phó TGD phụ trách
KD

- Ngày tháng năm sinh : 03/04/1966
- Nơi sinh: Xã Hoà Tiến – Huyện Hoà Vang – Tp Đà Nẵng
- Số CMND: 200832895 ngày 23/06/2005 cấp tại CA Đà Nẵng
- Quốc tịch: Việt Nam - Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Xã Hoà Tiến – Huyện Hoà Vang – Tp Đà Nẵng
- Địa chỉ thường trú: 86 Trần Hữu Trang – Q. Hải Châu – Tp Đà Nẵng.
- Trình độ chuyên môn: Đại Học Quản Trị Kinh Doanh; Đại học Luật
- Quá trình công tác:

Thời Gian	Chức danh, Đơn vị công tác
1987 – 1996	Kế toán, Công ty Bách hóa Vải sợi Miền Trung
1996 – 2005	Trưởng phòng kinh doanh thị trường

	<p>2005 - nay Phó Tổng giám đốc kinh doanh thị trường, Tổng công ty cổ phần Y tế DANAMECO</p>																
 <p>NGUYỄN TẤN TIÊN <i>Tổng Giám đốc/ Ủy viên HĐQT</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> - Ngày tháng năm sinh: 12/06/1964 - Nơi sinh: Huyện Thăng Bình - Tỉnh Quảng Nam - Số CMND: 200491836 ngày 25/07/2006 cấp tại: CA Đà Nẵng - Quốc tịch: Việt Nam - Dân tộc: Kinh - Quê quán: Huyện Thăng Bình - Tỉnh Quảng Nam - Địa chỉ thường trú: 02 Triệu Việt Vương – Q. Sơn Trà – Tp Đà Nẵng - Trình độ chuyên môn: Đại học Kinh tế và Quản trị Kinh doanh - Quá trình công tác: <table border="0" style="width: 100%;"> <thead> <tr> <th style="text-align: left;">Thời Gian</th> <th style="text-align: left;">Chức danh, Đơn vị công tác</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>1989- 1993</td> <td>Kế toán trưởng Xí nghiệp Liên Hiệp Lâm – Công- Nông nghiệp</td> </tr> <tr> <td>1994- 1996</td> <td>Kế toán trưởng Công ty Thiết bị Vật tư y tế Quảng Nam - Đà Nẵng</td> </tr> <tr> <td>1997 – 2005</td> <td>Kế toán trưởng Công ty Thiết Bị Y Tế TW3 Đà Nẵng</td> </tr> <tr> <td>2006 – 5/2012</td> <td>Phó Tổng giám đốc kiêm Kế toán trưởng, Tổng công ty cổ phần Y tế DANAMECO</td> </tr> <tr> <td>5/2012 - nay</td> <td>Tổng giám đốc, Tổng công ty cổ phần Y tế DANAMECO</td> </tr> </tbody> </table>	Thời Gian	Chức danh, Đơn vị công tác	1989- 1993	Kế toán trưởng Xí nghiệp Liên Hiệp Lâm – Công- Nông nghiệp	1994- 1996	Kế toán trưởng Công ty Thiết bị Vật tư y tế Quảng Nam - Đà Nẵng	1997 – 2005	Kế toán trưởng Công ty Thiết Bị Y Tế TW3 Đà Nẵng	2006 – 5/2012	Phó Tổng giám đốc kiêm Kế toán trưởng, Tổng công ty cổ phần Y tế DANAMECO	5/2012 - nay	Tổng giám đốc, Tổng công ty cổ phần Y tế DANAMECO				
Thời Gian	Chức danh, Đơn vị công tác																
1989- 1993	Kế toán trưởng Xí nghiệp Liên Hiệp Lâm – Công- Nông nghiệp																
1994- 1996	Kế toán trưởng Công ty Thiết bị Vật tư y tế Quảng Nam - Đà Nẵng																
1997 – 2005	Kế toán trưởng Công ty Thiết Bị Y Tế TW3 Đà Nẵng																
2006 – 5/2012	Phó Tổng giám đốc kiêm Kế toán trưởng, Tổng công ty cổ phần Y tế DANAMECO																
5/2012 - nay	Tổng giám đốc, Tổng công ty cổ phần Y tế DANAMECO																
 <p>ĐẶNG QUỐC TUẤN <i>Phó Tổng giám đốc phụ trách kế hoạch – kho vận</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> - Ngày tháng năm sinh: 5/10/1965 - Nơi sinh: Vĩnh Trung - Thanh Khê- ĐN - Số CMND: 200726788 cấp ngày 22/10/2009 Nơi cấp CA Đà Nẵng - Quê quán: Đà Nẵng - Địa chỉ thường trú: Tổ 09 Vĩnh An B, Thanh Khê, Đà Nẵng - Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cơ khí chế tạo; Cử nhân Kinh tế - Quá trình công tác: <table border="0" style="width: 100%;"> <thead> <tr> <th style="text-align: left;">Thời gian</th> <th style="text-align: left;">Chức danh, Đơn vị công tác</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>1992 – 1998</td> <td>Nhân viên kế toán, Công ty thiết bị y tế TW3 Đà Nẵng.</td> </tr> <tr> <td>1998 – 2004</td> <td>Phó phòng kế toán, Công ty thiết bị y tế TW3 Đà Nẵng.</td> </tr> <tr> <td>2004 – 2006</td> <td>Quyền trưởng phòng kế toán, Công ty thiết bị y tế TW3 Đà Nẵng.</td> </tr> <tr> <td>2006 – 2007</td> <td>Trưởng phòng kế hoạch, TCT CP Y tế Danameco</td> </tr> <tr> <td>2007 – 2009</td> <td>Giám đốc trung tâm dịch vụ hậu cần y tế, Tổng công ty CP Y tế Danameco</td> </tr> <tr> <td>2009 – 2012</td> <td>Giám đốc Xí nghiệp sản xuất Bông băng gạc và Vật tư Y tế Hòa Cường, Tổng công ty cổ phần y tế Danameco</td> </tr> <tr> <td>2012 – nay</td> <td>Phó TGD phụ trách kế hoạch tổng hợp – kho vận, Tổng công ty CP Y tế Danameco</td> </tr> </tbody> </table>	Thời gian	Chức danh, Đơn vị công tác	1992 – 1998	Nhân viên kế toán, Công ty thiết bị y tế TW3 Đà Nẵng.	1998 – 2004	Phó phòng kế toán, Công ty thiết bị y tế TW3 Đà Nẵng.	2004 – 2006	Quyền trưởng phòng kế toán, Công ty thiết bị y tế TW3 Đà Nẵng.	2006 – 2007	Trưởng phòng kế hoạch, TCT CP Y tế Danameco	2007 – 2009	Giám đốc trung tâm dịch vụ hậu cần y tế, Tổng công ty CP Y tế Danameco	2009 – 2012	Giám đốc Xí nghiệp sản xuất Bông băng gạc và Vật tư Y tế Hòa Cường, Tổng công ty cổ phần y tế Danameco	2012 – nay	Phó TGD phụ trách kế hoạch tổng hợp – kho vận, Tổng công ty CP Y tế Danameco
Thời gian	Chức danh, Đơn vị công tác																
1992 – 1998	Nhân viên kế toán, Công ty thiết bị y tế TW3 Đà Nẵng.																
1998 – 2004	Phó phòng kế toán, Công ty thiết bị y tế TW3 Đà Nẵng.																
2004 – 2006	Quyền trưởng phòng kế toán, Công ty thiết bị y tế TW3 Đà Nẵng.																
2006 – 2007	Trưởng phòng kế hoạch, TCT CP Y tế Danameco																
2007 – 2009	Giám đốc trung tâm dịch vụ hậu cần y tế, Tổng công ty CP Y tế Danameco																
2009 – 2012	Giám đốc Xí nghiệp sản xuất Bông băng gạc và Vật tư Y tế Hòa Cường, Tổng công ty cổ phần y tế Danameco																
2012 – nay	Phó TGD phụ trách kế hoạch tổng hợp – kho vận, Tổng công ty CP Y tế Danameco																
<p>LƯƠNG VIỆT HÙNG</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Ngày tháng năm sinh: 25/10/1961 - Nơi sinh: Tam Mỹ- Núi Thành - Tam Kỳ - Quảng Nam - Số CMND: 201599257 cấp ngày 3/04/2007 Nơi cấp CA Đà Nẵng - Quê quán: Tam Mỹ - Núi Thành – Tam Kỳ - Quảng Nam - Địa chỉ thường trú: Tổ 26 Phường Khuê Mỹ, Q.Ngũ Hành Sơn, Đà Nẵng - Trình độ chuyên môn: Kỹ sư hoá kỹ thuật ngành cao phân tử, cử nhân kinh doanh Ngoại Thương - Quá trình công tác: 																

<p>Phó Tổng giám đốc phụ trách công nghệ - kỹ thuật sản xuất</p>	<table border="0"> <thead> <tr> <th style="text-align: left;">Thời gian</th> <th style="text-align: left;">Chức danh, Đơn vị công tác</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>1987-1993</td> <td>Nhân viên kỹ thuật công nghệ SX xăm lốp ô tô, Công ty cao su Đà Nẵng</td> </tr> <tr> <td>1993-1998</td> <td>Quản đốc phân xưởng đế giày, Công ty Hữu nghị Đà Nẵng</td> </tr> <tr> <td>1998-2002</td> <td>Trưởng phòng kỹ thuật, XN giày vải, Công ty Hữu nghị ĐN</td> </tr> <tr> <td>2002-2005</td> <td>Giám đốc Nhà máy đế giày- Công ty Hữu nghị Đà Nẵng</td> </tr> <tr> <td>2005-2006</td> <td>Phó phòng kỹ thuật- Công ty Hữu nghị Đà Nẵng</td> </tr> <tr> <td>2006-2007</td> <td>Nhân viên kỹ thuật thiết kế và nghiên cứu sản phẩm mới, Công ty Xây lắp và công nghiệp tàu thủy Miền Trung</td> </tr> <tr> <td>2007-2008</td> <td>Phó giám đốc Xí nghiệp sản xuất Bông băng gạc và Vật tư Y tế Hòa Cường, Tổng công ty cổ phần y tế Danameco.</td> </tr> <tr> <td>2008 - nay</td> <td>Phó TGD phụ trách sản xuất, Tổng công ty CP Y tế Danameco</td> </tr> </tbody> </table>	Thời gian	Chức danh, Đơn vị công tác	1987-1993	Nhân viên kỹ thuật công nghệ SX xăm lốp ô tô, Công ty cao su Đà Nẵng	1993-1998	Quản đốc phân xưởng đế giày, Công ty Hữu nghị Đà Nẵng	1998-2002	Trưởng phòng kỹ thuật, XN giày vải, Công ty Hữu nghị ĐN	2002-2005	Giám đốc Nhà máy đế giày- Công ty Hữu nghị Đà Nẵng	2005-2006	Phó phòng kỹ thuật- Công ty Hữu nghị Đà Nẵng	2006-2007	Nhân viên kỹ thuật thiết kế và nghiên cứu sản phẩm mới, Công ty Xây lắp và công nghiệp tàu thủy Miền Trung	2007-2008	Phó giám đốc Xí nghiệp sản xuất Bông băng gạc và Vật tư Y tế Hòa Cường, Tổng công ty cổ phần y tế Danameco.	2008 - nay	Phó TGD phụ trách sản xuất, Tổng công ty CP Y tế Danameco
Thời gian	Chức danh, Đơn vị công tác																		
1987-1993	Nhân viên kỹ thuật công nghệ SX xăm lốp ô tô, Công ty cao su Đà Nẵng																		
1993-1998	Quản đốc phân xưởng đế giày, Công ty Hữu nghị Đà Nẵng																		
1998-2002	Trưởng phòng kỹ thuật, XN giày vải, Công ty Hữu nghị ĐN																		
2002-2005	Giám đốc Nhà máy đế giày- Công ty Hữu nghị Đà Nẵng																		
2005-2006	Phó phòng kỹ thuật- Công ty Hữu nghị Đà Nẵng																		
2006-2007	Nhân viên kỹ thuật thiết kế và nghiên cứu sản phẩm mới, Công ty Xây lắp và công nghiệp tàu thủy Miền Trung																		
2007-2008	Phó giám đốc Xí nghiệp sản xuất Bông băng gạc và Vật tư Y tế Hòa Cường, Tổng công ty cổ phần y tế Danameco.																		
2008 - nay	Phó TGD phụ trách sản xuất, Tổng công ty CP Y tế Danameco																		
<div style="text-align: center;">  <p>NGUYỄN THỊ MINH HIỀN Kế toán trưởng/ GD kế toán - tài chính</p> </div>	<ul style="list-style-type: none"> - Ngày tháng năm sinh: 9/6/1975 - Nơi sinh: Thành phố Đà Nẵng - Số CMND: 201242174 ngày 05/08/2008 cấp tại: CA Đà Nẵng - Quê quán: Ngọc Anh- Phú Vang- Thừa Thiên Huế - Địa chỉ thường trú: K16/33 Ngô Gia Tự, Hải Châu, Đà Nẵng - Trình độ chuyên môn: Đại học – Kế toán - Quá trình công tác: <table border="0"> <thead> <tr> <th style="text-align: left;">Thời gian</th> <th style="text-align: left;">Chức danh, Đơn vị công tác</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>1998 – 2004</td> <td>Nhân viên kế toán, Công ty thiết bị y tế TW3 Đà Nẵng</td> </tr> <tr> <td>2005 – 2010</td> <td>Phó phòng kế toán, Công ty thiết bị y tế TW3 Đà Nẵng</td> </tr> <tr> <td>2011 – 2012</td> <td>Giám đốc Kế hoạch – Tài chính, Tổng công ty CP Y tế Danameco</td> </tr> <tr> <td>2012 – nay</td> <td>Kế toán trưởng kiêm GD kế toán - tài chính TCT CP Y tế Danameco</td> </tr> </tbody> </table>	Thời gian	Chức danh, Đơn vị công tác	1998 – 2004	Nhân viên kế toán, Công ty thiết bị y tế TW3 Đà Nẵng	2005 – 2010	Phó phòng kế toán, Công ty thiết bị y tế TW3 Đà Nẵng	2011 – 2012	Giám đốc Kế hoạch – Tài chính, Tổng công ty CP Y tế Danameco	2012 – nay	Kế toán trưởng kiêm GD kế toán - tài chính TCT CP Y tế Danameco								
Thời gian	Chức danh, Đơn vị công tác																		
1998 – 2004	Nhân viên kế toán, Công ty thiết bị y tế TW3 Đà Nẵng																		
2005 – 2010	Phó phòng kế toán, Công ty thiết bị y tế TW3 Đà Nẵng																		
2011 – 2012	Giám đốc Kế hoạch – Tài chính, Tổng công ty CP Y tế Danameco																		
2012 – nay	Kế toán trưởng kiêm GD kế toán - tài chính TCT CP Y tế Danameco																		
<p>2.2 Thay đổi trong ban điều hành:</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Bà Phạm thị Minh Trang thôi không giữ chức Chủ tịch HĐQT kiêm TGD mà tập trung chuyên trách vai trò Chủ tịch HĐQT từ tháng 7/2012. - Bổ nhiệm Ông Nguyễn Tấn Tiên PTGD-KTT đảm nhận chức vụ Tổng giám đốc thay cho Bà Phạm Thị Minh Trang. - Bổ nhiệm Ông Lương Việt Hùng P.TGD phụ trách kỹ thuật & công nghệ sản xuất TCT kiêm nhiệm thêm chức vụ Giám đốc XN QNam. - Bổ nhiệm Ông Đặng Quốc Tuấn GĐXN Hòa Cường đảm nhận chức vụ Phó TGD phụ trách KH-TH và CNTT. - Bổ nhiệm Bà Nguyễn Thị Minh Hiền GD phòng TC-KT đảm nhận nhiệm vụ Kế toán trưởng. 																		
<p>2.3 Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động:</p> <div style="text-align: center;">  <table border="1" style="margin-left: auto; margin-right: auto;"> <thead> <tr> <th>Loại khối</th> <th>Số lượng</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Khối gián tiếp</td> <td>161</td> </tr> <tr> <td>Khối trực tiếp</td> <td>324</td> </tr> </tbody> </table> </div>	Loại khối	Số lượng	Khối gián tiếp	161	Khối trực tiếp	324	<ul style="list-style-type: none"> - Số lượng CBCNV toàn Tổng công ty tính đến 31/12/2012: 485 người. Trong đó: khối gián tiếp là 161 người, khối trực tiếp là 324 người. - Chính sách đối với người lao động: <ul style="list-style-type: none"> + Thu nhập bình quân đầu người năm 2012 (tiền lương và thưởng): 4,061,000 đồng. + Chính sách phân phối tiền lương: Đối với lao động trực tiếp hưởng lương theo sản phẩm, khối gián tiếp hưởng lương theo doanh thu. + Các chính sách về tiền thưởng như thưởng nhân dịp lễ, tết, thưởng thi đua, thưởng sáng kiến, thưởng tiết kiệm, thưởng động viên sản xuất... được công ty thực hiện đầy đủ nhằm khuyến khích người lao động. + Các chế độ chính sách về Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm tai nạn lao động, bảo hộ lao động, đào tạo được công ty thực hiện theo đúng quy định của pháp luật, các trang thiết bị an toàn cho người lao động đều 												
Loại khối	Số lượng																		
Khối gián tiếp	161																		
Khối trực tiếp	324																		

	được Tổng Công ty đáp ứng.
3. Tình hình đầu tư	Thực hiện theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012, Tổng công ty không đầu tư lớn mà sử dụng lợi nhuận tạo ra trong năm 2012 để đầu tư mới hoặc nâng cấp một số máy móc thiết bị đã bị hư hỏng, cũ kỹ và nâng cấp nhà xưởng để phục vụ công tác sản xuất với tổng giá trị là

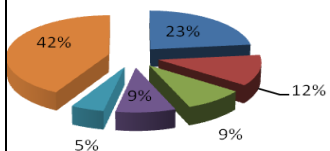
4. Tình hình tài chính
a. Tình hình tài chính:

Chỉ tiêu	Năm trước 2011	Kế hoạch 2012	Thực hiện 2012	TH 2012/KH	TH 2012/2011
DT thuần về bán hàng và cung cấp dịch	215,682,831,835	248,500,000,000	219,576,239,055	102%	102%
Giá vốn hàng bán	165,329,518,585	184,900,000,000	148,222,184,165	81%	90%
LN gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	50,353,313,250	63,600,000,000	71,354,054,890	110%	142%
Tổng chi phí hoạt động	48,020,464,746	50,000,000,000	55,459,963,645	110%	115%
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	3,976,882,463	14,000,000,000	17,145,667,861	371%	431%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	1,006,346,361	3,500,000,000	4,288,567,717	426%	426%
LN sau thuế thu nhập doanh nghiệp	2,970,536,102	10,500,000,000	12,857,100,144	356%	433%

b. Các chỉ tiêu tài chính

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	NĂM 2011	NĂM 2012
1	Cơ cấu tài sản			
	- Tài sản dài hạn/ tổng tài sản	%	32,07	28,81
	- Tài sản ngắn hạn/ tổng tài sản	%	67,93	71,19
2	Cơ cấu nguồn vốn			
	- Nợ phải trả/ tổng nguồn vốn	%	68,50	65,33
	- Nguồn vốn chủ sở hữu/ tổng nguồn vốn	%	31,50	34,67
3	Khả năng thanh toán			
	- Khả năng thanh toán nhanh	lần	0,79	0,84
	- Khả năng thanh toán hiện hành	lần	1,12	1,17
4	Tỷ suất lợi nhuận			
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ tổng tài sản	%	2,12	8,65
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ doanh thu thuần	%	1,38	5,86
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ nguồn vốn chủ sở hữu	%	6,73	24,94

c. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:



- Công ty Cổ phần Đầu Tư Tài Chính Thăng Long
- Phạm Thị Minh Trang
- Công ty Cổ phần Chứng khoán MB
- Công ty TNHH MTV TCT Thiết bị Y tế Việt Nam
- Vũ Thị Như Ngọc
- Cổ đông khác

C.1. Cổ đông/thành viên góp vốn Nhà nước:

- Tên tổ chức: TỔNG CÔNG TY THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NAM
- Địa chỉ: Số 01 ngõ 135 Núi Trúc – Ba Đình – Hà Nội
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 111335 Cấp ngày 19/10/1996 do Sở KH-ĐT TP. Hà Nội cấp
- Người đại diện phần vốn Nhà nước: Ông Nguyễn Tấn Tiên.
- Số lượng và tỉ lệ cổ phần sở hữu trong công ty:
 - + Số lượng: 268.750 cổ phần
 - + Tỉ lệ: 8.92%

C.2. Thông tin chi tiết về từng cổ đông lớn/thành viên góp vốn:

c.2.1 CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH THĂNG LONG

- Địa chỉ: P112 tầng 11 tòa nhà Viglacera số 1 Láng Hòa Lạc, Từ Liêm, Hà Nội
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 0103017008 Cấp ngày

<p>- Tổng số cổ phiếu lưu hành: 3.014.362 cổ phiếu. Trong đó 100% là cổ phiếu thường.</p> <p>- Cổ tức năm 2012: 20%, chia làm 2 đợt.</p>	<p>25/04/2007 do Sở KH-ĐT TP. Hà Nội cấp.</p> <p>- Ngành nghề kinh doanh: + Tư vấn nghiên cứu thị trường, quảng cáo và marketing + Tư vấn cung cấp các giải pháp về quản lý, kinh doanh phân phối + Tư vấn đầu tư + Tư vấn khoa học kỹ thuật quản lý ...</p> <p>- Số lượng cổ phần sở hữu: 697.375 cổ phần - Tỷ lệ: 23.13%</p> <p>C.2.2 CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THĂNG LONG</p> <p>- Địa chỉ: 273 Kim Mã - P. Giảng Võ - Q. Ba Đình - Tp. Hà Nội - Giấy chứng nhận số: 05/GCNTVLK-1 Cấp ngày 25/04/2007 do Trung Tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam cấp.</p> <p>- Ngành nghề kinh doanh: + Môi giới chứng khoán + Tự doanh chứng khoán + Tư vấn đầu tư chứng khoán + Bảo lãnh phát hành chứng khoán</p> <p>- Số lượng cổ phần sở hữu: 271.288 cổ phần - Tỷ lệ: 9.00%</p> <p>C.2.3. DS. Phạm Thị Minh Trang</p> <p>- Địa chỉ: 128 Tổng Phước Phổ - Q.Hải Châu – Đà Nẵng - Chủ tịch hội đồng quản trị Tổng công ty Cổ phần Y tế DANAMECO. - Số lượng cổ phần sở hữu: 360.613 cổ phần - Tỷ lệ: 11.96%</p> <p>C.3. Cổ đông/thành viên góp vốn nước ngoài:</p> <p>- Cổ đông góp vốn nước ngoài có 01 người với cổ phiếu nắm giữ là 125 cổ phiếu. Tên: Wataru Miyazawa - Địa chỉ: 6-5-5-603 chuourinkan Yamatoshi, Kanagawa-ken, Japan - Điện thoại: +81-90-1047-7180</p>					
<p>d. <i>Tình hình thay đổi vốn đầu tư chủ sở hữu</i></p>	<p>- Chi trả cổ tức đợt 2 năm 2011 bằng cổ phiếu 5%/cổ phần theo tỷ lệ 20:1, nguồn chi trả từ lợi nhuận sau thuế 2011.</p> <p>- Phát hành cổ phiếu thưởng 20%/cổ phần theo tỷ lệ 5:1, nguồn chia thưởng từ nguồn thặng dư vốn cổ phần.</p> <p>- Tổng tỷ lệ Cổ phiếu chi trả cổ tức và Cổ phiếu thưởng là 25% trên mệnh giá, tương đương tỷ lệ 4:1 (Mỗi cổ đông sở hữu 04 cổ phiếu sẽ được thưởng 01 cổ phiếu). Số lượng cổ phần phát hành thêm: 602.852 cổ phiếu (Sáu trăm lẻ hai nghìn tám trăm năm mươi hai cổ phiếu)</p>					
<p>III. Báo cáo và đánh giá của Ban giám đốc:</p>						
<p>1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:</p>	<p>Năm tài chính</p>	<p>TH 2011</p>	<p>KH 2012</p>	<p>TH 2012</p>	<p>TH/KH 2012</p>	<p>TH 2012/2011</p>
	Doanh thu thuần (triệu)	215,136	248,500	219,576	88%	102%
	Tổng lợi nhuận trước thuế (triệu)	3,976	14,000	17,145	122%	431%
	Lợi nhuận ròng (triệu)	2,970	10,500	12,857	122%	433%
	Lãi cơ bản/Cổ phiếu (đồng)	1,232	3,483	4,265	122%	346%
<p>2. Tình hình tài</p>	<p>a. Tình hình tài sản:</p>					

<i>chính:</i>	<p>Tài sản tăng 6% so với cùng kỳ năm ngoái do :</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tiền và các khoản tương đương tiền tăng 14% do dự phòng thanh toán các khoản gần hết hạn vay. - Các khoản phải thu tăng 18% do khách hàng giải ngân chưa kịp vào thời điểm quyết toán. <p>b. Tình hình nợ phải trả:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nợ phải trả tăng 1% do thuế và các khoản phải nộp Nhà nước tăng từ 1,4 đến 4,8 tỷ. - Một số hoạt động mua bán có gốc ngoại tệ, nên Công ty cũng chịu các rủi ro khi có biến động tỷ giá.
---------------	---

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:	<ul style="list-style-type: none"> - Sáp nhập phòng thị trường vào phòng kinh doanh với mục đích vừa làm công tác thị trường, vừa bán hàng để tiết kiệm chi phí và để có thời gian nhiều hơn nữa tập trung vào nhiệm vụ kinh doanh, Tổng công ty đã chuyển công tác dịch vụ hậu cần y tế, giao nhận, nghiệp vụ, thủ kho ở Xí nghiệp Quảng Nam giao cho phòng Kế hoạch theo dõi, quản lý nhằm thống nhất mô hình quản lý hiện nay của Tổng công ty được kiểm soát chặt chẽ hơn và chuyển nhiệm vụ mua hàng cho phòng Xuất nhập khẩu trực tiếp tổ chức thực hiện.
--	--

4. Kế hoạch phát triển 2013	S			THỰC HIỆN 2012	KẾ HOẠCH 2013	KH2013/TH 2012
	T	CHỈ TIÊU	ĐVT			
	T					
	1	Doanh thu	Triệu	219,576	252,000	115%
	2	Giá vốn hàng bán ra	Triệu	148,222	175,000	118%
	3	Lãi gộp từ SXKD	Triệu	71,354	77,000	108%
	4	Tổng chi phí hoạt động	Triệu	55,459	57,000	103%
	5	Tổng lợi nhuận trước thuế	Triệu	17,145	20,000	117%
6	Thuế TNDN	Triệu	4,288	5,000	116%	
7	Lợi nhuận sau thuế	Triệu	12,857	15,000	117%	

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

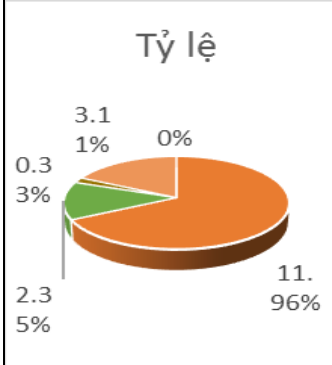
1. Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Công ty:	<ul style="list-style-type: none"> - Kết quả lợi nhuận 2012 đạt được ở mức cao cũng đồng nghĩa với việc thực hiện nghĩa vụ với cổ đông đã hoàn thành. - Kể từ tháng 7/2012, Chủ tịch Hội đồng quản trị thực hiện vai trò Chủ tịch Hội đồng quản trị chuyên trách, nên có nhiều thời gian để đầu tư tâm sức vào công việc quản trị một cách kịp thời, luôn bám theo mục tiêu của Đại Hội cổ đông, đưa ra những giải pháp, chiến lược kinh doanh phù hợp. - Tổng giám đốc với sức trẻ, sự sáng tạo, năng động, kinh nghiệm, quyết đoán, thống nhất, phối hợp tốt giữa các thành viên trong Ban điều hành, quyết tâm và đồng thuận cao của CBNV, đã tổ chức thực hiện trong năm 2012 đạt được một số kết quả đáng khích lệ, đóng góp cho việc củng cố vị thế, uy tín, hình ảnh của Tổng Công ty đối với Cổ đông, các nhà đầu tư, khẳng định cam kết của lãnh đạo trong định hướng chiến lược phát triển Tổng công ty.
---	---

2. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Giám đốc công ty:	<ul style="list-style-type: none"> - Ban điều hành Tổng công ty và các cán bộ quản lý khác đã tuân thủ theo đúng pháp luật, điều lệ và quy chế quản lý tài chính và các quy định hiện hành của nhà nước, triển khai thực hiện theo đúng các Nghị quyết của Đại hội Cổ đông và HĐQT. - Hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh và các chỉ tiêu kinh tế theo kế hoạch, thời hạn Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2012 và các chỉ tiêu
--	--

	<p>kế hoạch do Đại hội đồng cổ đông và HĐQT đề ra.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phối hợp tốt với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các đoàn thể để triển khai các vấn đề một cách kịp thời, phát hiện và khắc phục các điểm yếu, tạo đà cho việc phát triển bền vững, đảm bảo cân đối hài hòa lợi ích của Tổng Công ty, Nhà nước, của cổ đông và đối tác, bạn hàng cũng như quyền lợi của người lao động.
3. Các kế hoạch, định hướng của HĐQT 2013:	<ul style="list-style-type: none"> - Thống nhất các kế hoạch sản xuất kinh doanh theo đề xuất Tổng giám đốc. - Dự kiến phát hành thêm cổ phiếu để Huy động vốn nhằm cơ cấu lại nguồn vốn và sử dụng tài sản hợp lý - Kiểm soát chặt chẽ chi tiêu, nợ phải trả và thu hồi nợ phải thu. - Giữ vững và mở rộng thị trường

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY:

1. Hội đồng quản trị



ST T	Tên cổ đông	Số CMND	Ngày cấp	Nơi cấp	Số cổ phần	Tỷ lệ
1	Phạm Thị Minh Trang	200034213	08/07/2009	CA ĐNăng	360,612	11.96%
2	Nguyễn Kiệt	200832895	23/06/2005	CA ĐNăng	70,825	2.35%
3	Nguyễn Tấn Tiên	200491836	25/07/2006	CA ĐNăng	10,000	0.33%
4	Nguyễn Thị Thanh Tâm	010455447	19/08/1996	CA Hà Nội	93,750	3.11%
5	Quách Mạnh Hào	012159661	01/08/1998	CA Hà Nội	0	0%

a. Hoạt động HĐQT:

- Trong năm 2012, HĐQT đã triệu tập 03 cuộc họp trực tiếp, bên cạnh các quyết định thuộc thẩm quyền liên quan đến kế hoạch, phương hướng triển khai thực hiện hoạt động sản xuất kinh doanh, đơn giá tiền lương cho các đơn vị, HĐQT đã xem xét, thống nhất, quyết định một số nội dung quan trọng để hoàn thành mục tiêu của nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012.
- Ngoài việc theo dõi kết quả các báo cáo bằng thư điện tử, điện thoại của Tổng giám đốc và các thành viên ban điều hành về các hoạt động sản xuất kinh doanh, hằng tháng, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì các cuộc họp liên tịch giữa Hội đồng quản trị, Ban điều hành và Ban kiểm soát để rút kinh nghiệm và xử lý các vướng mắc khác.

b. Thành viên HĐQT có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty

- DS. Phạm Thị Minh Trang
- Ông. Nguyễn Kiệt
- Ông. Nguyễn Tấn Tiên
- Ông. Quách Mạnh Hào
- Bà. Nguyễn Thị Thanh Tâm

2. Ban kiểm soát:

a. Thành viên và cơ cấu BKS

S T T	TÊN CỔ ĐÔNG	CMT/HC/ĐKKD			Số cổ phần	Tỷ lệ
		Số	Ngày cấp	Nơi cấp		
1	Ngô Quang Hùng	201439920	5/10/1996	Đà Nẵng	3,650	0.12%
2	Nguyễn Văn Hoa	200229933	20/9/2001	Đà Nẵng	30,150	1.00%
3	Phạm Thứ Triệu	212015390	19/09/2006	Q.Ngãi	0	0.00%

b. Hoạt động của Ban kiểm soát:

- Năm 2012, Ban kiểm soát thực hiện tốt các nhiệm vụ, luôn tập trung kiểm tra giám sát hoạt động của HĐQT và Ban điều hành về việc chấp hành luật pháp, điều lệ, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và HĐQT

	về chế độ thu chi tài chính, chính sách đối với người lao động, tham dự các cuộc họp HĐQT và đóng góp một số ý kiến liên quan đến công tác điều hành, quản lý tại Công ty - Giao dịch nội bộ năm 2012: không có
<i>c. Thành viên KSNB có chứng chỉ đào tạo về quản trị CT</i>	- Ông. Ngô Quang Hùng - Ông. Phạm Thứ Triệu
<i>3. Lương, thù lao và các khoản lợi ích:</i>	Hội đồng quản trị: Chủ tịch hội đồng quản trị : tương đương TGD điều hành Phó chủ tịch Hội đồng quản trị : 3.000.000 đồng/tháng Thành viên Hội đồng quản trị : 2.500.000 đồng/tháng Ban kiểm soát Trưởng ban kiểm soát : 2.500.000 đồng/tháng Thành viên ban kiểm soát : 1.500.000 đồng/tháng
VI. Báo cáo tài chính:	
<i>1. Ý kiến kiểm toán:</i>	Theo ý kiến chúng tôi, xét trên mọi khía cạnh trọng yếu thì các Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2012 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2012, phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan về lập và trình bày các Báo cáo tài chính
<i>2. BCTC được kiểm toán:</i>	Phần phụ lục

Nơi nhận:

- UBCKNN;
- SGDCCKHN;
- HĐQT, BKS Cty;
- BGĐ Cty;
- Lưu.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN Y TẾ DANAMECO
TỔNG GIÁM ĐỐC
(Đã ký)

NGUYỄN TẤN TIÊN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu số B 01 - DN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC
ngày 20/3/2006 và các sửa đổi, bổ sung
có liên quan của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		105.854.762.263	95.115.873.424
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	6	15.499.130.834	13.544.452.320
1. Tiền	111		13.249.130.834	9.544.452.320
2. Các khoản tương đương tiền	112		2.250.000.000	4.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		300.000.000	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121	7	300.000.000	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		57.346.481.570	48.467.066.517
1. Phải thu khách hàng	131		51.092.649.123	39.168.173.708
2. Trả trước cho người bán	132		5.899.209.342	5.140.641.553
3. Các khoản phải thu khác	135	8	386.258.851	4.325.398.763
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(31.635.746)	(167.147.507)
IV. Hàng tồn kho	140		30.369.868.196	28.516.037.254
1. Hàng tồn kho	141	9	30.369.868.196	28.516.037.254
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.339.281.663	4.588.317.333
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	509.892.931	731.972.911
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.391.118.917	1.258.688.680
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		29.713.170	25.681.575
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	11	408.556.645	2.571.974.167
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		42.843.484.189	44.904.415.669
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		42.266.518.664	43.921.842.281
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	24.974.244.675	26.649.568.292
- Nguyên giá	222		47.769.063.591	45.383.089.485
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(22.794.818.916)	(18.733.521.193)
2. Tài sản cố định vô hình	227	13	17.097.663.821	17.077.663.821
- Nguyên giá	228		17.159.663.821	17.077.663.821
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(62.000.000)	-
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	14	194.610.168	194.610.168
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		576.965.525	982.573.388
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	15	576.965.525	982.573.388
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		148.698.246.452	140.020.289.093

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
Ngày 31 tháng 12 năm 2012

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		97.138.415.588	96.121.373.378
I. Nợ ngắn hạn	310		90.146.415.588	84.839.495.907
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	16	61.684.488.554	63.594.706.708
2. Phải trả người bán	312		12.737.989.870	15.533.112.524
3. Người mua trả tiền trước	313		721.458.517	1.887.387.755
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	17	4.804.022.238	1.449.063.977
5. Phải trả người lao động	315		2.747.740.085	1.532.759.647
6. Chi phí phải trả	316	18	64.867.592	-
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	19	7.081.354.996	676.358.274
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		304.493.736	166.107.022
II. Nợ dài hạn	330		6.992.000.000	11.281.877.471
1. Vay và nợ dài hạn	334	20	5.092.000.000	11.157.236.498
2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	124.640.973
3. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		1.900.000.000	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		51.559.830.864	43.898.915.715
I. Vốn chủ sở hữu	410		49.769.198.196	42.329.367.344
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	21	30.143.620.000	24.115.100.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	21	5.001.173.825	9.824.193.825
3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416	21	-	(4.097.104)
4. Quỹ đầu tư phát triển	417	21	4.755.092.471	4.453.218.375
5. Quỹ dự phòng tài chính	418	21	1.026.318.756	970.416.146
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	21	8.842.993.144	2.970.536.102
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		1.790.632.668	1.569.548.371
1. Nguồn kinh phí	432		1.790.632.668	1.569.548.371
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		148.698.246.452	140.020.289.093

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	31/12/2012	31/12/2011
1. Ngoại tệ các loại		
- USD	226,91	278,38
- JPY	100,00	100,00



Tổng Giám đốc

Nguyễn Tấn Tiên

Đà Nẵng, ngày 19 tháng 03 năm 2013

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Minh Hiền

Người lập biểu

Võ Thị Kiều Phụng

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

Mẫu số B 02 - DN

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC
ngày 20/3/2006 và các sửa đổi, bổ sung
có liên quan của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
1. Doanh thu bán hàng & cc dịch vụ	01	22	220.970.418.118	215.732.843.950
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	22	1.394.179.063	595.872.170
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10	22	219.576.239.055	215.136.971.780
4. Giá vốn hàng bán	11	23	148.222.184.165	164.861.086.360
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & cc dịch vụ	20		71.354.054.890	50.275.885.420
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	910.070.520	1.671.313.259
7. Chi phí tài chính	22	25	10.643.498.129	13.900.856.934
Trong đó: Chi phí lãi vay		23	10.585.302.052	9.615.449.857
8. Chi phí bán hàng	24		15.963.129.080	16.109.033.546
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		28.853.336.436	17.918.686.521
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		16.804.161.765	4.018.621.678
11. Thu nhập khác	31	26	437.432.233	659.698.519
12. Chi phí khác	32	27	95.926.137	57.508.120
13. Lợi nhuận khác	40		341.506.096	602.190.399
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	28	17.145.667.861	4.620.812.077
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	28	4.288.567.717	1.006.346.361
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60	28	12.857.100.144	3.614.465.716
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	29	4.265	1.499



Tổng Giám đốc

Nguyễn Tấn Tiên

Đà Nẵng, ngày 19 tháng 03 năm 2013

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Minh Hiền

Người lập biểu

Võ Thị Kiều Phượng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

Mẫu số B 03 - DN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC
ngày 20/3/2006 và các sửa đổi, bổ sung
có liên quan của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	17.145.667.861	4.620.812.077
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao Tài sản cố định	02	4.123.297.723	2.498.517.264
- Các khoản dự phòng	03	(135.511.761)	140.341.761
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	(188.091.167)	26.177.246
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(73.386.580)	1.766.841.452
- Chi phí lãi vay	06	10.585.302.052	9.615.449.857
3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	08	31.457.278.128	18.668.139.657
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(7.790.833.139)	(1.720.288.164)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(1.853.830.942)	2.470.789.182
Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể			
- lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	5.688.009.563	(23.910.699.150)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	627.687.843	(502.058.544)
- Tiền lãi vay đã trả	13	(10.578.404.959)	(9.615.449.857)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(1.021.864.225)	(1.870.113.454)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	1.010.360.955	2.243.965.378
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(1.669.927.922)	(1.716.324.990)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	15.868.475.302	(15.952.039.942)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21	(2.467.974.106)	(13.953.037.063)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(300.000.000)	-
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	70.736.580	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(2.697.237.526)	(13.953.037.063)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	129.060.203.458	146.599.302.922
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(137.035.658.110)	(106.970.097.628)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(3.245.216.250)	(3.678.761.289)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(11.220.670.902)	35.950.444.005
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	1.950.566.874	6.045.367.000
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	13.544.452.320	7.503.182.424
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	4.111.640	(4.097.104)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	15.499.130.834	13.544.452.320



Tổng Giám đốc

Nguyễn Tấn Tiên

Đà Nẵng, ngày 19 tháng 03 năm 2013

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Minh Hiền

Người lập biểu

Võ Thị Kiều Phương